TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VẠN NINH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 10 năm 2018
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trừ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Sương

2. Bà Nguyễn Thị Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thủy Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Pháp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần H - sinh năm: 1968; trú tại: Thôn Đ, Xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Hà Thị C - sinh năm: 1969; trú tại: Thôn Đ, Xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 21 tháng 5 năm 2018, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông H và bà Hà Thị C tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 10 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà C đánh bạc gây ra nợ nần ảnh hưởng đến gia đình, vợ chồng ở chung với mẹ đẻ ông H nhưng bà C lại thiếu quan tâm, chăm sóc mẹ ông H. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đến tháng 02 năm 2018 trở nên trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Nay ông H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Hà Thị C.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Hà Bích T sinh ngày 26 tháng 12 năm 1993 và Hà Yến Th sinh ngày 12 tháng 11 năm 2001. Cháu T đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, ông H yêu cầu giao cháu Th cho bà C nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung của ai.

* Tại bản tự khai ngày 20 tháng 6 năm 2018, Biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 6 năm 2018, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn bà Hà Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông Trần H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 10 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình vợ chồng chung sống đến cuối tháng 11 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H ngoại tình, bà C có khuyên bảo nhưng ông H không chịu nghe, từ tháng 11 năm 2017 đến nay vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Nay bà C vẫn còn thương ông H, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ chung sống lại với nhau. Nhưng nếu ông H đồng ý hỗ trợ cho bà C 100.000.000 đồng để bà C ổn định cuộc sống, thì bà C đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng bà C, ông H có hai con chung là Trần Hà Bích T sinh ngày 26 tháng 12 năm 1993 và Hà Yến Th sinh ngày 12 tháng 11 năm 2001. Cháu T đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, bà C yêu cầu nuôi dưỡng cháu Th, tại phiên tòa bà C thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung của ai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án C nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, về con chung và cấp dưỡng nuôi con đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, về tài sản chung các bên không yêu cầu nên đề nghị không xét, về nợ chung không có nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần H yêu cầu ly hôn với bà Hà Thị C, bà C có địa chỉ tại Thôn Đ, Xã L, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân gia đình tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần H, bà Hà Thị C kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 10 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển số II/2010, nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà C là hợp pháp.

Việc ông H yêu cầu ly hôn với bà C, bà C không đồng ý ly hôn; xét thấy: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản hòa giải tại Tòa án thì vợ chồng ông H, bà C trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn (theo ông H khai là do bà C đánh bạc, thiếu quan tâm, chăm sóc mẹ đẻ ông H; bà C khai là do ông H ngoại tình) dẫn đến vợ chồng kình cãi, mâu thuẫn kéo dài đến tháng 11 năm 2017 thì vợ chồng tuy sống chung nhà nhà mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Nên có cơ sở để khẳng định giữa ông H với bà C đã xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai người không tìm được giải pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau, tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc ông H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của ông H.

Về việc bà C yêu cầu ông H hỗ trợ 100.000.000 đồng để bà C ổn định cuộc sống thì ông H không đồng ý hỗ trợ; bà C hiện đang đi làm thuê, có thu nhập nên không có cơ sở xem xét.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H, bà C đều thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Hà Bích T sinh ngày 26 tháng 12 năm 1993 và Hà Yến Th sinh ngày 12 tháng 11 năm 2001. Ông H, bà C thỏa thuận là bà C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Th; tại phiên tòa bà C thay đổi yêu cầu mức cấp dưỡng, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu Th mỗi tháng 4.000.000 đồng, ông H đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành, xét sự thỏa thuận trên là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông Trần H và bà Hà Thị C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Trần H và bà Hà Thị C đều xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai nên không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Trần H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần H được ly hôn với bà Hà Thị C.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Hà Yến Th - sinh ngày 12 tháng 11 năm 2001 cho bà Hà Thị C trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Ông Trần H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà C, ông H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết về tài sản chung.

4. Về án phí: Ông Trần H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); tổng cộng là 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0014213 ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; ông H còn phải nộp 150.000 đồng án phí.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã L;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trừ